

QUY ĐỊNH

Về đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 756/QĐ-CĐSPTW-ĐT ngày 11/9/2017
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I

NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này là sự cụ thể hóa Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên các khóa đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (trừ sinh viên các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp từ khóa tuyển sinh năm 2017 trở đi) của Trường Cao đẳng sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Trường).

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) cần thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.

2. Chương trình đào tạo do Hiệu trưởng ban hành, với khối lượng của mỗi chương trình không dưới 90 tín chỉ đối với khóa cao đẳng 03 năm.

3. Mỗi chương trình gắn với một ngành và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

4. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có); nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần; giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thực hành, thực tập phục vụ học phần.

Điều 3. Học phần và Tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Kiến thức trong mỗi học phần gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần được kí hiệu bằng một mã số riêng gọi là mã học phần do trường quy định. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ.

2. Có các loại học phần sau đây:

a) Học phần bắt buộc: là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn bắt buộc: là học phần mà sinh viên có thể được chọn trong nhóm học phần mà khoa xác định trước trong chương trình nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn của ngành đào tạo;

c) Học phần tự chọn tự do: là học phần mà sinh viên có thể chọn trong bất kì chương trình đào tạo nào mà nhà trường có tổ chức để tích lũy đủ số tín chỉ quy định tại mỗi chương trình.

d) Học phần tiên quyết: là học phần mà sinh viên phải tích lũy trước khi học các học phần khác có liên quan.

e) Học phần học trước: là học phần mà sinh viên phải học trước khi học các học phần khác có liên quan.

f) Học phần song hành: Hai học phần được gọi là song hành khi sinh viên đăng kí học phần này thì phải bắt buộc đăng kí học phần kia.

g) Học phần thay thế: là học phần được sử dụng khi một học phần trong chương trình đào tạo không còn được tổ chức giảng dạy nữa. Học phần thay thế có khối lượng tương đương nhưng nội dung có thể khác với học phần không tổ chức giảng dạy nữa.

h) Học phần tương đương: Hai học phần tương đương là hai học phần có thời lượng và nội dung tương đương nhau. Sinh viên tích lũy được một học phần thì xem như đã tích lũy được tất cả các học phần tương đương với nó.

i) Khóa luận tốt nghiệp là một học phần đặc biệt để tổng hợp, chuyên sâu kiến thức chuyên ngành dành cho các sinh viên có kết quả học tập tốt. Khóa luận tốt nghiệp có khối lượng 5 tín chỉ.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành hoặc thảo luận; 60 giờ thực tập tại cơ sở; 45 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc khoá luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

Số tiết, số giờ của từng học phần được quy định trong đề cương chi tiết của học phần. Giảng viên giảng dạy học phần phải thông báo cho sinh viên vào buổi học đầu tiên.

4. Một tiết lên lớp được tính bằng 50 phút.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy

Thời gian hoạt động giảng dạy của trường được tính từ 7 giờ đến 19 giờ hàng ngày.

Tùy theo số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của trường, phòng Đào tạo sắp xếp thời khóa biểu hàng ngày cho các lớp trong khoảng thời gian trên.

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kì qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học (hoặc do Trường thiết kế) vào đầu mỗi học kỳ đã được trường chấp nhận (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm các học phần được quy đổi về thang điểm chữ tại Điều 22 của Quy định này.

3. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần theo thang điểm 4 mà sinh viên đăng ký học (hoặc do trường thiết kế) trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

4. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá đạt theo thang điểm chữ tại Điều 22 của Quy định này, tính từ đầu khóa học.

5. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình có trọng số của các học phần đã được tích lũy theo thang điểm chữ tại Điều 22 của Quy định này, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ.

a) Khoá học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Trường tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng được thực hiện trong 03 năm học.

Tùy theo khả năng và điều kiện, sinh viên có thể rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập. Thời gian tối đa để hoàn thành khóa học trình độ cao đẳng là 06 năm kể từ ngày trúng tuyển và nhập học. Hết thời hạn tối đa, nếu sinh viên không đủ điều kiện để công nhận tốt nghiệp, được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã được tích lũy trong chương trình. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển xuống học chương trình trung cấp hoặc chuyển qua theo học hình thức Giáo dục thường xuyên tại Trường hoặc các trường khác.

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 14 tuần thực học và 02 tuần ôn tập và thi. Ngoài hai học kỳ chính, nếu có điều kiện Trường tổ chức thêm một học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại; học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 05 tuần thực học và 01 tuần thi.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Hiệu trưởng phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.

Điều 7. Đăng ký nhập học

1. Sinh viên trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh vào Trường phải nộp các giấy tờ theo quy định trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

2. Sau khi xem xét thấy đầy đủ điều kiện nhập học, phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của Trường.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học được hoàn thành trong thời hạn theo qui định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

4. Sinh viên nhập học được trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo

Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh, Trường xác định điểm trúng tuyển theo ngành đào tạo trong kì thi tuyển sinh, những thí sinh trúng tuyển được sắp xếp vào học theo ngành đào tạo đã đăng ký.

Điều 9. Tổ chức lớp học

Sinh viên khi nhập học sẽ được tổ chức thành lớp khóa học và sau đó là lớp học phần (nếu có).

1. Lớp khóa học được tổ chức theo khóa tuyển sinh của ngành đào tạo. Lớp khóa học duy trì trong cả khóa học, có mã số, có hệ thống cán bộ lớp, cán bộ Đoàn, Hội sinh viên và Cố vấn học tập (CVHT) riêng, nhằm duy trì những hoạt động đoàn thể, lao động, xét kết quả rèn luyện, xét khen thưởng, kỷ luật, phổ biến thông tin của trường và khoa đến sinh viên...

Lớp khóa học được gọi tên theo ngành và khóa học của sinh viên.

2. Lớp học phần được tổ chức theo từng học phần ở từng học kì. Mỗi lớp học phần có thời khóa biểu, lịch thi và mã số lớp riêng.

Tùy theo điều kiện cụ thể của từng học kỳ, phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng quy định số sinh viên tối thiểu cho mỗi lớp học phần. Nếu số sinh viên đăng ký ít hơn quy định, lớp học phần sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học ở những lớp học phần khác mà Trường có tổ chức cho đủ khối lượng kiến thức (số tín chỉ) tối thiểu quy định trong học kỳ.

Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập

1. Trách nhiệm của Trường

a) Đầu khóa học, Trường cung cấp cho sinh viên kế hoạch đào tạo của ngành học, quy chế học tập, thi và kiểm tra, danh sách CVHT.

b) Trước khi học kỳ mới bắt đầu, Trường thông báo cho sinh viên danh mục các học phần dự kiến giảng dạy trong học kỳ, số lớp dự kiến tổ chức cho mỗi học phần, thời khóa biểu dự kiến, giảng viên dự kiến phụ trách từng lớp học phần.

Thông qua đội ngũ CVHT và các tài liệu hướng dẫn, Trường tạo điều kiện cho sinh viên có đầy đủ thông tin cần thiết để lựa chọn học phần và xây dựng kế hoạch học tập. CVHT chịu trách nhiệm quản lý sinh viên theo sự phân công của Trưởng khoa, hướng dẫn sinh viên thực hiện quá trình đào tạo theo đúng quy định của Nhà trường.

2. Trách nhiệm của sinh viên

Tất cả sinh viên phải thực hiện đăng ký học phần (hoặc theo tiến độ đào tạo do Trường thiết kế) trước khi học kỳ mới bắt đầu (*sinh viên không phải đăng ký học phần cho học kỳ đầu tiên của khóa học*). Sinh viên nghiên cứu kỹ kế hoạch đào tạo toàn khóa học và những quy định của Trường, trao đổi với CVHT để được hướng dẫn đăng ký học phần.

3. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký (hoặc do Trường thiết kế) trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a) 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

b) 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.

4. Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của những sinh viên xếp hạng học lực bình thường.

5. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

6. Phòng Đào tạo chỉ nhận đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở mỗi học kỳ khi đã có chữ ký chấp thuận của cố vấn học tập trong phiếu đăng ký học tập hoặc theo quy định của Hiệu trưởng. Khối lượng đăng ký học tập của sinh viên theo từng học kỳ phải được ghi vào phiếu đăng ký học do phòng Đào tạo lưu giữ.

Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký chỉ được chấp nhận sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ, nhưng không muộn quá 3 tuần.

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

a) Sinh viên tự viết đơn gửi phòng Đào tạo;

- b) Được CVHT chấp thuận;
- c) Không vi phạm khoản 3 Điều 10 của Quy định này.

Sinh viên chỉ được phép bỏ lớp đối với học phần xin rút bớt, sau khi giảng viên phụ trách nhận giấy báo của phòng Đào tạo. Khi chưa có sự đồng ý của phòng Đào tạo mà sinh viên tự ý bỏ học thì phải nhận điểm F.

Điều 12. Đăng ký học lại, điều kiện miễn, giảm và tạm hoãn học

1. Đăng ký học lại

a) Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F^+ , F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi được điểm đạt. Nếu học phần đó không còn mở lớp (chương trình đào tạo thay đổi), sinh viên phải đăng ký học lại và tích lũy các học phần thay thế theo danh mục đã được Trường công bố chính thức. Danh mục học phần thay thế do Trường Khoa đề xuất và được Hiệu trưởng phê duyệt.

b) Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F^+ , F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

c) Sinh viên có các học phần đã tích lũy điểm D hoặc D^+ được quyền đăng ký học lại để cải thiện điểm. Cách xử lý kết quả như sau: Điểm học phần đã đạt ở lần thi thứ nhất là điểm dùng để tính ĐTBTC xét và cấp học bổng học kỳ. Điểm học phần ở lần học cải thiện dùng để tính ĐTBTC học kỳ và ĐTBTC tích lũy (ĐTBCTL) thay cho điểm đã đạt ở lần thi thứ nhất (*không phân biệt điểm này cao hay thấp hơn điểm thi đã đạt ở lần học thứ nhất*). Nếu điểm học phần học cải thiện đạt điểm F^+ , F xem như học phần chưa tích lũy và không được tính vào ĐTBTL.

Trong một học kỳ, sinh viên chỉ được đăng ký học lại để cải thiện điểm tối đa 03 (ba) học phần.

d) Sinh viên đăng ký học lại phải nộp học phí học lại theo quy định.

2. Điều kiện miễn, giảm và tạm hoãn học các học phần: Trường có quy định riêng.

Điều 13. Nghỉ ốm

Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép gửi Trường phòng Công tác chính trị - Học sinh sinh viên trong thời gian một tuần kể từ ngày nghỉ, kèm theo giấy xác nhận của cơ quan y tế trường, hoặc y tế địa phương hoặc của bệnh viện. Phòng Công tác chính trị - Học sinh sinh viên thừa lệnh Hiệu trưởng sẽ căn cứ vào điều kiện cụ thể để giải quyết theo quy định và chuyển cho Phòng Đào tạo.

Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

a) Sinh viên năm thứ nhất: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 30 tín chỉ;

b) Sinh viên năm thứ hai: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 30 tín chỉ đến dưới 60 tín chỉ;

c) Sinh viên năm thứ ba: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 60 tín chỉ trở lên.

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

a) Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.

b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

Điều 15. Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng thông qua phòng Công tác chính trị-Học sinh sinh viên xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế cấp quận/huyện trở lên;

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 16 của Quy định này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy định này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi trở lại học tiếp tại Trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng qua Phòng Công tác chính trị-Học sinh sinh viên ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên được dựa trên các điều kiện sau:

a) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba;

b) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;

c) Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm F^+ , F còn tồn đọng tính từ đầu khóa học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ.

Cảnh báo kết quả học tập không quá 4 lần cho toàn khóa học, nhưng không vượt quá 2 lần liên tiếp.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại mục a, khoản 1, Điều 6 của Quy định này;

c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy định này hoặc bị kỷ luật ở mức xóa tên khỏi danh sách sinh viên của Trường.

3. Chậm nhất một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Trường phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

Trường hợp tại trường sinh viên vừa theo học hoặc tại trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm a, b khoản 2 của Điều này được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu;

c) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy định này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

Điều 18. Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;

d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;

b) Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;

c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường;

b) Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi trường xin chuyển đến.

Chương III

KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 19. Đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành

Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Đối với các học phần thực hành

Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

3. Trước khi thi kết thúc học phần, giảng viên phụ trách học phần phải nộp về phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục bản chính điểm đánh giá bộ phận (điểm đánh giá quá trình) với đầy đủ điểm thành phần, trọng số và danh sách sinh viên không đủ điều kiện dự thi học phần theo đề cương đã phê duyệt, theo mẫu thống nhất, thông báo công khai cho sinh viên biết và chịu trách nhiệm về kết quả đó (làm thành 03 bản: giảng viên giữ 01 bản, gửi Khoa lưu 01 bản, gửi phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục bản chính). Điểm đánh giá bộ phận được bổ sung sau khi thi kết thúc học phần không được chấp nhận, trường hợp đặc biệt do Ban giám hiệu quyết định.

4. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức một kỳ thi chính để đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

2. Nhà trường sẽ tổ chức kỳ thi phụ cho sinh viên vắng thi có lý do chính đáng ở kỳ thi chính. Kỳ thi phụ được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

3. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ.

4. Phòng Đào tạo lập kế hoạch thi và tổ chức thi kết thúc học phần, các Khoa cử cán bộ coi thi theo kế hoạch. Kế hoạch thi kết thúc học phần được công bố trước ngày thi ít nhất 02 tuần.

Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi và chấm thi kết thúc học phần

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Đề thi kết thúc học phần do chính giảng viên dạy học phần đó hoặc những giảng viên có cùng chuyên môn soạn hoặc lấy từ ngân hàng đề thi đã được thẩm định.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hình thức thi được quy định trong đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt và giảng viên phải công bố cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần phải do hai giảng viên đảm nhiệm. Địa điểm chấm thi do Nhà trường bố trí, tuyệt đối không mang bài thi ra khỏi khu vực chấm thi.

a) Giảng viên chấm thi theo kế hoạch, phân công của Trường khoa. Cả hai giảng viên chấm thi chịu trách nhiệm nhận và giao đầy đủ bài thi và hồ sơ liên quan đến túi bài thi với Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục.

b) Bài thi viết phải được làm phách trước khi chấm.

c) Trường hợp điểm của các cán bộ chấm thi đối với một bài thi có sự chênh lệch từ 1,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 thì phải tổ chức xem xét hoặc chấm lại, nếu chấm lại mà chưa thống nhất được điểm thì Trường bộ môn hoặc Trường khoa xem xét, giải quyết và là người quyết định cuối cùng về điểm bài thi.

d) Bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn đã chấm được lưu giữ ít nhất là 02 (hai) năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp theo kế hoạch của Trường.

4. Điểm thi vấn đáp, thực hành chấm tại phòng thi được giảng viên công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thi các giảng viên chấm thi trình Trường bộ môn hoặc Trường khoa quyết định. Bảng điểm thi được đơn vị tổ chức thi làm thành 02 bản (Khoa lưu 01 bản, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục lưu 01 bản chính).

5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0 (không).

Điều 22. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt và không đạt:

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm 4	
			Điểm chữ	Điểm số
Đạt (được tích lũy)	Giỏi	từ 8,5 đến 10	A	4,0
	Khá	từ 7,8 đến 8,4	B ⁺	3,5
		từ 7,0 đến 7,7	B	3,0
	Trung bình	từ 6,3 đến 6,9	C ⁺	2,5
		từ 5,5 đến 6,2	C	2,0
	Trung bình yếu	từ 4,8 đến 5,4	D ⁺	1,5
từ 4,0 đến 4,7		D	1,0	
Không đạt (không được tích lũy)	Kém	từ 2,9 đến 3,9	F ⁺	0,5
		từ 00 đến 2,8	F	0

b) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I: Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X: Chưa nhận được kết quả thi.

c) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, F⁺ và F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ (nếu có);

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên bị cấm thi, vi phạm nội quy thi (mức đình chỉ thi), có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được Trường cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được Trường cho phép.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên.

7. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺ và D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b) Những học phần được công nhận kết quả (miễn học) đối với học phần mà sinh viên đã tích lũy (chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình...).

Các học phần được miễn sẽ không tính vào điểm TBCHK nhưng được tính vào điểm TBCTL của học kỳ đó.

Số tín chỉ của điểm R không được tính vào số tín chỉ đạt được của học kỳ và không được tính để xét học bổng, nhưng được tính vào số tín chỉ tích lũy đến thời điểm đó.

Điều 23. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần cần phải được quy đổi qua điểm số theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 22 của Quy định này.

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần

Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất.

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

Chương IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 24. Tích lũy khối kiến thức tốt nghiệp

Sinh viên năm cuối khoá phải đăng ký thực hiện tích lũy khối kiến thức tốt nghiệp theo một trong hai hướng sau:

- Làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp (có khối lượng 5 tín chỉ) :
- Học và thi một số chuyên đề thay thế khóa luận tốt nghiệp: Sinh viên không được giao làm khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn được quy định trong chương trình của từng ngành và được xem như những học phần bắt buộc (có khối lượng 5 tín chỉ).

Điều 25. Đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp

1. Tùy theo từng chương trình, Hiệu trưởng quy định cách thức đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp. Việc đánh giá mỗi đồ án, khoá luận tốt nghiệp phải do ít nhất 2 giảng viên đảm nhiệm.

2. Điểm của đồ án, khoá luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm chữ theo quy định tại điểm a và điểm b, khoản 2, Điều 22 của Quy định này. Điểm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

3. Sinh viên có đồ án, khoá luận tốt nghiệp bị điểm F, F⁺ phải đăng ký làm lại đồ án, khoá luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn được quy định trong chương trình của từng ngành để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Điều 26. Thực tập cuối khoá

Sinh viên phải trải qua kỳ thực tập cuối khoá tập trung tại các cơ sở thực tập. Thời gian, nội dung, hình thức tổ chức, cách đánh giá thực tập cuối khoá theo từng ngành được Hiệu trưởng quy định tại một văn bản riêng.

Điều 27. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo của ngành học được ban hành theo Quyết định của Hiệu trưởng.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Đảm bảo một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính do Hiệu trưởng quy định (nếu có);

đ) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh và chứng chỉ Giáo dục thể chất.

e) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp của trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm Chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các Trưởng Khoa chuyên môn, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 28. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành).

Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học, như sau:

- a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức; nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi rõ chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 27 của Quy định này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên còn nợ chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh và chứng chỉ Giáo dục thể chất nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 05 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ đủ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của Trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Quy định này.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 29. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khóa luận tốt nghiệp, thực hành thực tập, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

Điều 30. Trách nhiệm thi hành

Các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu phát hiện vấn đề chưa hợp lý các đơn vị, cá nhân phản hồi, đề xuất kịp thời thông qua Trường phòng Đào tạo để trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định./.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS Lê Văn Tiến